

**SỰ CẦN THIẾT VÀ NHỮNG HƯỚNG KHAI THÁC
KHI VẬN DỤNG HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA C.MÁC
TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Lê Quang Diên

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Tóm tắt. Bài viết phân tích làm rõ sự cần thiết và những hướng khai thác học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó, rút ra những kết luận có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với sự phát triển nền kinh tế ở nước ta hiện nay.

Học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác ra đời trên cơ sở nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Học thuyết đó đã vạch trần thực chất bóc lột tư bản chủ nghĩa và cội nguồn đối lập kinh tế giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, vũ trang cho giai cấp vô sản lý luận cách mạng sắc bén trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Song, ý nghĩa thực tiễn của học thuyết giá trị thặng dư không dừng ở đó. Ngày nay, từ quan điểm đổi mới về chủ nghĩa xã hội, học thuyết này còn có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc vận dụng học thuyết giá trị thặng dư là một quá trình lâu dài và có nhiều nội dung cần được nghiên cứu để đảm bảo tính khoa học, phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam. Trong giới hạn của bài báo, tác giả chủ yếu tập trung nghiên cứu làm rõ sự cần thiết và những hướng khai thác khi vận dụng học thuyết giá trị thặng dư trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

1. Sự cần thiết vận dụng học thuyết giá trị thặng dư trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

- Cần nhận thức đúng khái niệm bóc lột và bóc lột giá trị thặng dư khi vận dụng thuyết giá trị thặng dư của C.Mác.

Khi đất nước chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, việc vận dụng học thuyết giá trị thặng dư của Mác trước hết phải nhận thức đúng khái niệm bóc lột và bóc lột giá trị thặng dư trong học thuyết Mác. Từ đó, có cơ sở khoa học để luận giải những hiện tượng kinh tế của xã hội hiện nay.

“Bóc lột” là một bộ phận người trong xã hội hoặc tập đoàn xã hội nào đó, chiếm đoạt không có bồi thường thành quả lao động của một người khác hoặc của tập đoàn xã

hội. Do đó, thuộc tính bản chất của bóc lột là “chiếm hữu không có bồi thường”, nhưng việc “chiếm hữu không có bồi thường” thành quả lao động của người khác hoặc tập đoàn xã hội, không chỉ dựa vào tư liệu sản xuất hoặc tư bản tiền tệ, mà cũng có thể thông qua bạo lực, quyền lực, chinh phục bằng vũ lực để đạt tới mục đích chiếm đoạt không có bồi thường thành quả lao động của người khác.

Theo Mác, việc bóc lột lao động đều có trong tất cả các hình thái xã hội từ trước tới nay vận động trong những mâu thuẫn giai cấp. Nhưng chỉ khi nào sản phẩm của lao động thặng dư đó mang hình thái giá trị thặng dư (tức bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động của công nhân làm thuê tạo ra bị nhà tư bản chiếm không), chỉ khi nào kẻ sở hữu tư liệu sản xuất tìm ra được người công nhân tự do, với tư cách là đối tượng bóc lột, và bóc lột người công nhân đó nhằm mục đích sản xuất ra hàng hoá để thu được giá trị tăng thêm, chỉ khi đó mới là bóc lột giá trị thặng dư, tư liệu sản xuất mới mang tính chất đặc biệt là tư bản. Và điều đó chỉ diễn ra trên quy mô lớn từ cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI.

Mác cho rằng, bất kỳ một loại hình bóc lột nào trong giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người đều có tính lịch sử, hơn nữa ông còn chỉ rõ: một trong những mặt văn minh của tư bản là phương thức và điều kiện mà nó bóp nặn lao động thặng dư so với các hình thức của chế độ nô lệ và chế độ nông nô trước đây đều có lợi hơn cho sự phát triển sức sản xuất, có lợi cho sự phát triển quan hệ xã hội, có lợi cho việc sáng tạo ra các yếu tố sản xuất hình thái mới cao cấp hơn.

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, với nhiều thành phần kinh tế, không thể phủ nhận chủ doanh nghiệp tư nhân cũng như đông đảo công nhân, nông dân, trí thức đều là người xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp đã góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và nâng cao mức sống của nhân dân. Tuy nhiên, xét một cách biện chứng thì thu nhập của chủ doanh nghiệp tư nhân, nhất là những doanh nghiệp loại lớn và loại vừa, ngoài bộ phận tiền lương tương ứng với thu nhập của lao động phức tạp (lao động quản lý, lao động kỹ thuật), còn bao hàm lợi nhuận nhiều hơn (tức giá trị thặng dư). Lợi nhuận này là sự chiếm hữu lao động thặng dư của người khác, bao hàm bóc lột. Tương tự trong kinh tế tư bản nước ngoài cũng bao hàm hiện tượng bóc lột.

Người lao động đầu tư dưới hình thức cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi ngân hàng thu được lợi tức cổ phần, lợi tức trái phiếu, lợi tức tiền gửi, người làm công tác khoa học - kỹ thuật đầu tư dưới hình thức bằng tri thức và kỹ thuật chuyên môn cao dành được thu nhập cao, thì những hình thức thu nhập này suy cho cùng là phân phối lại giá trị thặng dư, bởi họ sở hữu các yếu tố này sáng tạo ra. Do đó, không thuộc về bóc lột.

Hiện nay, có một số nhà nghiên cứu do cách tiếp cận thiên về chủ nghĩa thực chứng, không nhằm giải thích nguồn gốc giá trị thặng dư, mà mô tả một cách cơ học quá trình luân chuyển, phân phối giá trị tăng thêm của hàng hóa trên thị trường. Vì thế,

họ thường quan niệm bóc lột dưới nhiều hình thức khác nhau, như: Cướp đoạt lẫn nhau; tham nhũng; đặc quyền đặc lợi; thậm chí có cả chuyện người lười nhác bóc lột người siêng năng; người nghèo bóc lột người giàu, người kém bóc lột người tài năng... Đây là một quan niệm không khoa học. Bởi bản thân các lý thuyết này đã xây dựng nên những mô hình toán học để đo độ bất bình đẳng trong phân phối của cải xã hội. Trong khi về mặt bản chất trong hiện thực xã hội không thể có những con người như nhau về sức khỏe, hoàn cảnh, kỹ năng lao động... cho nên những lý thuyết này ra đời, tuy giải quyết được một phần nào đó nhu cầu của cuộc sống thực tiễn, nhưng vẫn sa vào những ước lệ và thiên về lôgic hình thức, và nhất là chưa thể phản ánh được đầy đủ, chứ chưa nói là giải thích đúng bản chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội [8; tr. 83].

- Vận dụng học thuyết giá trị thặng dư của Mác là cần thiết và có lợi cho sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Cần phải khẳng định rằng chiếm đoạt giá trị thặng dư là xấu so với chế độ không có người bóc lột người mà chúng ta đang phấn đấu để xây dựng và chỉ xây dựng được chừng nào đã tạo ra một lực lượng sản xuất xã hội cao với năng suất lao động cao hơn năng suất lao động của chủ nghĩa tư bản hiện nay rất nhiều, đó là một thời kỳ quá độ lâu dài, không thể nóng vội. Nhưng chủ nghĩa tư bản lại tốt so với sản xuất nhỏ và sản xuất tự cung tự cấp dựa trên lao động thủ công. Trong khi phê phán mặt tiêu cực của chủ nghĩa tư bản, C.Mác và V.I.Lênin đồng thời ca ngợi công lao to lớn của chủ nghĩa tư bản chỉ trong mấy thế kỷ đã tạo ra một lực lượng sản xuất khổng lồ bằng lực lượng sản xuất của mấy ngàn năm trước đó cộng lại, đồng thời đã nâng cao trình độ xã hội hoá sản xuất. Và chính C.Mác đã viết: “Chúng ta đau khổ không những vì sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà còn đau khổ vì nó phát triển chưa đầy đủ. Ngoài những tai hoạ của thời đại hiện nay, chúng ta còn phải chịu đựng cả một loạt những tai hoạ thừa kế do chỗ phương thức sản xuất cổ xưa lỗi thời vẫn tiếp tục sống dai dẳng với những quan hệ chính trị và xã hội trái mùa do chúng đẻ ra” [4; tr. 14].

Nước ta lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát là nước tiểu nông, nghĩa là từ một nước chưa có nền kinh tế hàng hoá, mặc dù có sản xuất hàng hoá. Cái thiếu của đất nước ta, theo cách nói của Mác - không phải là và chủ yếu là cái đó, mà chính là chưa trải qua sự ngự trị của cách tổ chức của kinh tế xã hội theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Nhưng nền kinh tế nước ta là nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội, do vậy “cách tổ chức của kinh tế xã hội” theo kiểu sản xuất hàng hoá cũng mang tính quá độ. Nghĩa là, trong cùng một nền kinh tế vừa có kinh tế hàng hoá vì lợi ích của nhân dân, vừa có kinh tế hàng hoá vì lợi ích của tư nhân. Nhưng dù là nền kinh tế hàng hoá nào thì sản phẩm cũng đều mang hình thức giá trị thặng dư, mặc dù chúng phản ánh những quan hệ xã hội đối lập nhau. Trong đó, giá trị thặng dư phản ánh mối quan hệ bóc lột và bị bóc lột vẫn được coi là nhân tố “trợ thủ của chủ nghĩa xã hội”, “xúc tiến chủ nghĩa xã hội”, là cái “có ích” và “đáng mong đợi”. Vì thế, cốt lõi của vấn đề là phải tạo điều kiện môi trường cho sự gia tăng khối lượng giá trị thặng dư toàn xã hội ngày càng

lớn, tỷ suất ngày càng cao.

Ngày nay, trải qua thực tiễn, chúng ta ngày càng nhận thức rõ: “Sản xuất hàng hoá không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng” [2; tr. 97]. Đường lối đổi mới của Đảng được thể chế hóa thành pháp luật tạo hành lang pháp lý cho việc hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả trong chủ nghĩa xã hội vẫn còn phạm trù giá trị thặng dư. Vì thế, chúng ta phải học tập các nhà tư bản để sản xuất ra càng nhiều giá trị thặng dư càng tốt. Điều đó hoàn toàn phù hợp với lý luận của V.I.Lênin: “Tri thức về chủ nghĩa xã hội thì chúng ta có, nhưng chúng ta chưa có tri thức về tổ chức với quy mô hàng triệu người, chưa có tri thức về tổ chức và phân phối sản phẩm... Cho nên chúng ta nói: dù hấn là tên đại bịp bợm, nhưng một khi hấn là một thương nhân đã từng làm công việc tổ chức sản xuất và phân phối cho hàng triệu và hàng chục triệu người, một khi hấn có kinh nghiệm thì chúng ta phải học ở hấn” [7; tr. 314-315].

Nghiên cứu để khẳng định sự đúng đắn về lý luận giá trị thặng dư không phải để nhằm kỳ thị thành phần kinh tế tư nhân. Trái lại, hiểu rõ mục đích, bản chất động lực của kinh tế tư nhân, để có chính sách thích hợp, vừa khuyến khích nó phát triển, vừa có chính sách quản lý và điều tiết hợp lý để sử dụng kinh tế tư nhân phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước kém phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Khuyến khích kinh tế tư nhân không phải là một “thủ đoạn vỗ béo để làm thịt”, không phải dụ tư nhân bỏ vốn ra, đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh rồi lại “đẹp”, “xóa” như trước đây. Lại càng không phải để kinh tế tư nhân phát triển tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa. Khai thác động lực kinh tế tư nhân là để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Có chính sách đúng đắn và bảo đảm mức lợi nhuận thỏa đáng cho tư nhân. Đây không chỉ là một khoản “công nộp” mà còn phải coi là một khoản “học phí” để có cơ hội tiếp xúc với trang thiết bị và công nghệ hiện đại, với phương pháp tổ chức quản lý tiên tiến, có hiệu quả. Hiện nay, kinh tế tư nhân ở nước ta đã đóng góp 60% GDP và thu hút 91% lao động việc làm trong cả nước.

Theo tinh thần đó, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, việc vận dụng học thuyết giá trị thặng dư là cần thiết và có lợi.

2. Những hướng khai thác khi vận dụng học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Nghiên cứu học thuyết giá trị của C.Mác trong điều kiện hiện nay, cần nhớ lời dặn của V.I.Lênin: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì xong xuôi

hắn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống” [6; 232]

Ngày nay, học thuyết giá trị thặng dư vẫn có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Việc nghiên cứu, vận dụng học thuyết này ở nước ta trở thành một việc làm cần thiết, theo các hướng sau đây:

Một là, khai thác những di sản lý luận trong học thuyết giá trị thặng dư về nền kinh tế hàng hoá.

Học thuyết giá trị thặng dư của Mác được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu lịch sử nền sản xuất hàng hoá, đặc biệt là nền kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa. Cho nên, chính Mác chứ không phải ai khác là một trong những người nghiên cứu sâu sắc về kinh tế thị trường. Nước ta đang phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mặc dù nền kinh tế hàng hoá ở nước ta có những đặc trưng riêng của nó, song đã là sản xuất hàng hoá thì ở đâu cũng đều có những đặc tính phổ biến, cũng phải nói đến giá trị và giá trị thặng dư. Điều khác nhau chỉ là trong những quan hệ kinh tế khác nhau thì giá trị và giá trị thặng dư mang bản chất xã hội khác nhau. Do vậy, việc nghiên cứu tính phổ biến và tính đặc thù của nền sản xuất hàng hoá tư bản, nghiên cứu những phạm trù, quy luật và việc sử dụng chúng trong nền kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa từ di sản lý luận của Mác là việc làm có nhiều ý nghĩa thực tiễn ở nước ta hiện nay.

Khi phân tích sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa, Mác cho rằng mọi hoạt động của tư bản đều xoay quanh việc tận dụng phương tiện bóc lột nhằm khai thác tối đa sức lao động để tăng thêm lao động thặng dư. Do đó, dẫn đến tất yếu kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động hay cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới, tăng năng suất lao động để có thêm điều kiện thu hút nhiều hơn nữa giá trị thặng dư, nguồn gốc làm giàu của giai cấp tư sản. Trong hai yếu tố của sản xuất hàng hoá, thì sức lao động là yếu tố cơ bản nhất, còn tư liệu sản xuất là phương tiện cần thiết cho sản xuất. Nếu trong xã hội tư bản, tư liệu sản xuất đã được tận dụng để tăng hiệu quả bóc lột thì trong xã hội ta nó phải được chú trọng phát huy để đạt năng suất lao động cao - yếu tố quyết định sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Yếu tố thực sự tạo ra của cải, tạo ra giá trị và giá trị tăng thêm là người lao động. Người lao động là yếu tố năng động, sáng tạo nhất của lực lượng sản xuất. Chính họ đã cải tạo và làm biến đổi thế giới tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình, sáng tạo ra lịch sử của mình. Do đó, vấn đề lao động và chiến lược con người đang được các nước và toàn thế giới hết sức quan tâm. Nước ta có nguồn lao động dồi dào. Để tạo được bước phát triển nhảy vọt trong lực lượng sản xuất, phải tập trung mọi nguồn lực để thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ: “Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung

tâm...” .Đồng thời, phát triển đồng bộ các loại thị trường: tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, sức lao động, vốn, tiền tệ.. Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các chủ thể kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh, tự do làm giàu trong khuôn khổ pháp luật. Điều đó hoàn toàn phù hợp với việc phát triển kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Quy mô, thực lực của nền kinh tế nước ta tăng lên không ngừng sau 10 năm 2001-2010, quy mô GDP tính theo giá so sánh tăng gấp đôi. Nếu theo giá thực tế tính bằng đô la Mỹ năm 2010, GDP đạt khoảng 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000 (31,2 tỷ USD). Năm 2008, GDP bình quân đầu người đạt 1.047 USD, năm 2010 đạt 1.168 USD, gấp khoảng 3 lần so với năm 2000. Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp [3; 151].

Hai là, khai thác những luận điểm của Mác nói về quá trình sản xuất, thực hiện, phân phối giá trị thặng dư trong chủ nghĩa tư bản cùng những biện pháp, thủ đoạn nhằm thu được nhiều giá trị thặng dư của các nhà tư bản để góp phần vào việc quản lý thành phần kinh tế tư nhân (đặc biệt là kinh tế tư bản tư nhân) trong nền kinh tế nước ta sao cho vừa có thể khuyến khích phát triển, vừa hướng thành phần kinh tế này đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Điều đó đòi hỏi cần có chính sách thích đáng và có hiệu lực để thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển với nhiều loại hình sản xuất kinh doanh, qua đó thu hút nhiều lao động xã hội, sử dụng nhiều trình độ lao động để tạo ra nhiều sản phẩm thỏa mãn nhu cầu xã hội. Trước mắt, cần có giải pháp ưu đãi và tài trợ vốn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (hiện nay chiếm 97% trong tổng số 500 ngàn doanh nghiệp trong nền kinh tế nước ta) [12; tr. 7], tạo điều kiện thuận lợi các doanh nghiệp này vượt qua khó khăn, vươn lên làm ăn có hiệu quả. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, giảm xuống mức tối thiểu lực lượng sản xuất gián tiếp và đặc biệt giảm biên chế bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trong từng cơ sở sản xuất, phải đảm bảo có được lao động thặng dư, kiên quyết giải thể các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, gây thất thoát tiền vốn, tài sản của nhà nước.

Trong các đơn vị sản xuất kinh doanh cần có định mức, bảo đảm giờ công quy định để có cường độ bằng mức trung bình của xã hội, đồng thời tích cực cải tiến kỹ thuật, ứng dụng quy trình công nghệ mới, cải tiến tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất lao động. Bởi sự giàu có của xã hội được quyết định ở năng suất lao động thặng dư. Biện pháp để tăng năng suất lao động thặng dư có ý nghĩa sống còn, bức xúc đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững. Đó là con đường để thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Ba là, khai thác di sản lý luận của Mác nói về quá trình tổ chức sản xuất và tái sản xuất tư bản chủ nghĩa với tính cách là một nền sản xuất lớn gắn với quá trình xã hội hóa sản xuất ngày càng cao nhằm tạo ra khối lượng giá trị thặng dư ngày càng lớn.

Khi phân tích giá trị thặng dư tương đối, Mác đã trình bày rõ các giai đoạn phát

triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp với các đặc điểm, ưu thế và vị trí lịch sử của từng giai đoạn. Việc nghiên cứu các giai đoạn đó giúp chúng ta nhiều bài học bổ ích trong quá trình tổ chức sản xuất ở một đất nước mà sản xuất nhỏ còn phổ biến. Chẳng hạn, hiệp tác giản đơn là điểm khởi đầu của sản xuất của chủ nghĩa tư bản, có tác dụng quan trọng trong việc khẳng định bước chuyển lên sản xuất lớn. Nhưng trong hiệp tác đó quy mô tập trung tư liệu sản xuất và sức lao động chỉ có hiệu quả khi nó mang tính tất yếu kinh tế, khi có hiệu quả, khi có tinh thần tự nguyện, tự giác thật sự của người lao động. Nó đòi hỏi vai trò chỉ huy năng động, sáng tạo, biết quản lý sản xuất kinh doanh. Nó đòi hỏi phải tăng cường quỹ không chia, tạo ra các tư liệu sản xuất buộc phải tiến hành lao động tập thể...

Hiệp tác giản đơn có nhiều bài học bổ ích thì giai đoạn công trường thủ công và đại công nghiệp càng có nhiều ý nghĩa thực tiễn đối với nước ta. Công trường thủ công, giai đoạn chuẩn bị cho đại công nghiệp cơ khí ra đời trên các mặt: Chuẩn bị đưa máy móc thay thế lao động thủ công, chuẩn bị đội ngũ quản lý và đội ngũ công nhân kỹ thuật, chuẩn bị thị trường cho công nghiệp lớn phát triển. Những tổng kết đó của Mác về quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản vẫn còn nguyên giá trị đối với nước ta hiện nay, đó là:

+ Để nâng cao năng suất lao động thặng dư, sản xuất phải được tổ chức thành một dây chuyền chặt chẽ giữa những người lao động đã được bố trí đúng năng khiếu, sở trường vào các bộ phận công việc, người trước cung cấp công việc cho người sau, người sau kiểm tra công việc của người trước. Với tổ chức đó, người lao động chỉ được sử dụng một lượng thời gian cần thiết cho công việc của mình, từ đó doanh nghiệp có thể tính ngay được thời gian lao động cần thiết phải hao phí cho một đơn vị sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho cạnh tranh.

+ Trong điều kiện hiện nay ở nước ta phải coi trọng phân công lao động, phân công phải thích ứng với kỹ thuật mới phù hợp với từng đơn vị, từng ngành và toàn xã hội, mở rộng hợp tác phân công lao động quốc tế. Phân công lao động phải đảm bảo thúc đẩy và tạo điều kiện cho sự phát triển hợp lý của các ngành, nghề trong xã hội, đảm bảo chuyên môn hóa và năng suất lao động cao trong từng đơn vị.

+ Trên cơ sở những vấn đề được coi là tất yếu của quá trình lịch sử tự nhiên, đặc biệt là mặt tổ chức - kinh tế, vận dụng vào nền kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhằm thúc đẩy nhanh quá trình xã hội hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa từ một nền sản xuất nhỏ trở thành nền sản xuất lớn sản xuất ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư, thực hiện nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Bốn là, thu hồi giá trị thặng dư và định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện

cho phép bóc lột giá trị thặng dư. Điều này đã được V.I.Lênin trình bày qua lý luận và kinh nghiệm chỉ đạo thực tiễn ở nước Nga Xô Viết. Vấn đề đặt ra đối với nước ta là:

- Thu hồi được của công nạp một cách đúng đắn, đầy đủ không bị thất thoát.
- Ngăn chặn được những ma lực hút nền kinh tế chệch khỏi quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.
- Phải có một nhà nước mạnh.

Ở nước ta hiện nay, đẩy mạnh xã hội hoá sản xuất theo định hướng XHCN từ một nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn để sản xuất ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư, cần phải:

+ Làm cho kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và nó cùng với kinh tế tập thể trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

+ Khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế khai thác tối đa các nguồn lực: vốn, sức lao động, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm tiên tiến phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống cho nhân dân.

+ Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu; thừa nhận thuê mướn lao động nhưng không để nó trở thành quan hệ thống trị.

+ Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tăng cường hiệu lực quản lý vĩ mô của Nhà nước; phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói giảm nghèo, tránh sự phân hoá xã hội thành hai cực đối lập, không để chênh lệch quá lớn về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Từ việc nghiên cứu học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác theo cách tiếp cận trên, đề tài rút ra một số kết luận sau đây:

Một là, học thuyết giá trị thặng dư - học thuyết về bản chất bóc lột và địa vị lịch sử của chủ nghĩa tư bản vẫn là cơ sở phương pháp luận để nhận thức đúng chủ nghĩa tư bản hiện đại. Học thuyết đó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng trong quá trình xây dựng nền kinh tế trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Hai là, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nền kinh tế nước ta trong một chừng mực nào đó, quan hệ bóc lột chưa thể xoá bỏ ngay. Chừng nào quan hệ bóc lột còn có tác dụng giải phóng sức sản xuất và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, thì chừng đó nước ta còn phải chấp nhận sự hiện diện của nó.

Ba là, trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước phải được thể chế hóa

thành luật. Luật pháp phải là công cụ và cơ sở để điều chỉnh các hành vi xã hội. Bảo đảm ai chấp hành đúng pháp luật thì được xã hội thừa nhận và tôn vinh, góp phần xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong quản lý xã hội, Nhà nước phải xây dựng được cơ chế và chế tài đủ mạnh để kiểm soát chặt chẽ thu nhập cá nhân, thu nhập của các doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế nhằm, một mặt, chống thất thu thuế, mặt khác, đảm bảo sự công bằng trong phân phối thông qua Nhà nước và bằng cả “kênh” phân phối lại và điều tiết thu nhập xã hội. Qua đó, góp phần vào việc giải phóng sức sản xuất, tạo động lực phát triển kinh tế và chủ động hội nhập nền kinh tế thế giới.

Bốn là, phát triển kinh tế thị trường nhưng phải bảo vệ được quyền lợi chính đáng của cả người lao động lẫn giới chủ sử dụng lao động bằng luật và bằng chế tài cụ thể phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể trong từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Bảo vệ được những quyền lợi chính đáng, những quyền lợi được pháp luật bảo vệ, của tất cả các bên trong quan hệ lao động là sự hiện thực hóa có hiệu quả việc vận dụng một cách hợp lý học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác trong điều kiện hiện nay, là sự đóng góp thiết thực cơ bản nhất cho cả quá trình hoàn thiện và xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội VII*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1991.
2. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1996.
3. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011.
4. *Các Mác, Tư bản*, tập thứ nhất, phần 2, quyển I, Nxb. Tiến bộ, Matxcova- Sự thật, H.1984.
5. *Các Mác, Tư bản*, tập thứ nhất, phần 1, quyển I, Nxb. Tiến bộ, Matxcova- Sự thật, H.1984.
6. *VI Lê nin: Toàn tập*, tập 4, Nxb. Tiến bộ, Matxcova- Sự thật, H.1974.
7. *VI Lê nin: Toàn tập*, tập 36, Nxb. Tiến bộ, Matxcova- Sự thật, H.1977.
8. Lê Xuân Bình, *Vấn đề bóc lột giá trị thặng dư và quan hệ giữa tư bản và lao động hiện nay*, Tạp chí Cộng sản, số 9, tháng 5 năm 2006.
9. Bùi Ngọc Chương, *Ý nghĩa ngày nay của học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác*, Tạp chí Cộng sản, số 9, tháng 5 năm 2005.
10. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện thành phố Hồ Chí Minh, *Học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1997.

11. PGS.TS Đỗ Thế Tùng, *Học thuyết giá trị thặng dư vẫn giữ nguyên tính khoa học và tính thời sự*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận, tháng 2/1993.
12. *Báo Thanh niên*, ngày 18-10-2010.

**THE NECESSITY AND WAYS TO EXPLOIT K. MARX'S
THEORY OF SURPLUS VALUE IN THE PROCESS OF
BUILDING A SOCIALIST - ORIENTED MARKET ECONOMY
IN VIETNAM TODAY**

Le Quang Dien

College of Economics, Hue University

Abstract. This paper analyses the necessity of K.Marx's theory of surplus value and ways to exploit this theory in the process of building a socialist-oriented market economy in Vietnam. From these, significant conclusions which are important to the development of our country's economy today are drawn.